

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/HNGĐ-ST
Ngày 11/8/2020
V/v: *Tranh chấp Hôn nhân
và gia đình*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY - TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Tương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và bà Phạm Hồng Thiêm.

- Thư ký phiên tòa: Lê Nhật Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:

Bà: Phạm Thị Giang – Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38 ngày 26 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26 ngày 16 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Hữu B, sinh năm 1984 (Có đơn xin xử vắng mặt)

Bị đơn: Chị Trần Thị H1, sinh năm 1987 (Vắng mặt lần 2)

Đều trú tại: thôn Đ, xã A, huyện T, tỉnh Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và đơn xin xử vắng mặt, nguyên đơn là anh Bằng trình bày:

Anh và chị H1 kết hôn với nhau năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống và làm ăn tại địa phương. Do tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, chị H1 đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và sinh sống, vợ chồng sống ly thân đến nay đã hơn 05 năm, không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, có chung sống với nhau cũng không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H1.

Về con chung: Anh và chị H2 có 04 con chung là Trần Đức A1, sinh ngày 12/8/2006, Trần Hải A2, sinh ngày 16/9/2008, Trần Thị Hoài A3, sinh ngày 29/6/2010 và Trần Trung H3, sinh ngày 13/01/2012. Hiện nay các con chung đang ở với anh, anh đề nghị được trực tiếp nuôi cả 04 con chung và không yêu cầu chị Hằng phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh B xác định anh và chị H1 không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án chị H1 không đến làm việc, bố đẻ của chị H1 là ông Trần Viết M xác nhận chị H1 đã biết Tòa án giải quyết vụ án, nhận được văn bản tố tụng của Tòa án nhưng do chị đi làm ăn không đến Tòa án làm việc và chị cũng không có ý kiến gì.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử và nghị án đều đúng quy định của pháp luật, việc bị đơn đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do là vi phạm nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình xử cho anh Trần Hữu B được ly hôn chị Trần Thị H1. Về con chung: Giao 04 con chung là Trần Đức A1, Trần Hải A2, Trần Thị

Hoài A3nh và Trần Trung H2 cho anh B được trực tiếp nuôi dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh B vẫn giữ nguyên yêu cầu trên, không thay đổi bổ sung gì. Còn bị đơn là chị H1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt không đến tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của ông Trần Viết M (là bố đẻ chị H2) và các biên bản xác minh tại chính quyền địa phương có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng chị Hằng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, anh Bằng có đơn xin xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về nội dung:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa anh B và chị H1 là hợp pháp, trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng cả hai đều không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình, dẫn đến mâu thuẫn trở nên trầm trọng, hiện vợ chồng đã sống ly thân hơn 05 năm nay, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa. Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng anh B và chị H1 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho anh B được ly hôn chị H1.

[2]. Về con chung: Anh Bằng và chị Hằng có 04 chung là Trần Đức A1, sinh ngày 12/8/2006, Trần Hải A2, sinh ngày 16/9/2008, Trần Thị Hoài A3, sinh ngày 29/6/2010 và Trần Trung H2, sinh ngày 13/01/2012. Hiện nay các con chung đang ở với anh B, anh B đề nghị được trực tiếp nuôi 04 con chung và

không yêu cầu chị H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Xét yêu cầu của anh B là chính đáng và phù hợp với nguyện vọng của các con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao cả 04 con chung cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, anh B không yêu cầu chị H1 phải cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện nên cần chấp nhận.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung : Do đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[4]. Về án phí: Anh B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016 về Án phí, Lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Hữu B được ly hôn chị Trần Thị H1.

2. Về con chung: Giao 04 con chung là Trần Đức A1, sinh ngày 12/8/2006, Trần Hải A2, sinh ngày 16/9/2008, Trần Thị Hoài A3, sinh ngày 29/6/2010 và Trần Trung H2, sinh ngày 13/01/2012 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận anh B không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con chung, chị H1 có quyền đi lại thăm nom, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản; Vấn đề thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trần Hữu B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh B đã nộp theo biên lai số

0002140 ngày 24/02/2020 tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí, anh B đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Trần Hữu B và chị Trần Thị H1 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thái Thụy
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy
- TAND tỉnh TB
- UBND xã A
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Ngô Thế Tương